TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Bà Lương Thị Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huế Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2022/TLST-HN, ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980; (Có mặt)

Trú tại: ấp B, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: **Ông Trần Kim V**, sinh năm 1979; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông V quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông V bất đồng nhau trong nhiều vấn đề cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cả hai đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng nên nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Kim V.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên là Trần Thị Mỹ D (nữ), sinh ngày 19/12/2000 và Trần Thị Anh T (nữ), sinh ngày 13/9/2004. Con chung Trần Thị Mỹ D hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung Trần Thị Anh T hiện đang sống chung với bà, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà và bị đơn thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp ly hôn giữa bà và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Kim V trình bày:

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và nguyên đơn có 02 con chung tên là Trần Thị Mỹ D (nữ), sinh ngày 19/12/2000 và Trần Thị Anh T (nữ), sinh ngày 13/9/2004. Con chung Trần Thị Mỹ D hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung Trần Thị Anh T hiện đang sống chung với nguyên đơn, Ông cũng đồng ý để nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông và nguyên đơn thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp ly hôn của ông và nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Trần Kim V là vợ chồng; con chung Trần Thị Anh T giao cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có địa chỉ ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn có đơn thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết và tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông V tìm hiểu nhau một thời gian và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào văn bản xác nhận về tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang đối với bà Nguyễn Thị N và văn bản xác nhận về tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng qua tra cứu sổ bộ lưu đăng ký kết hôn đều xác định không có tên bà Nguyễn Thị N và Trần Kim V nên không có cơ sở xác định hôn nhân của bà N và ông V là hợp pháp. Do đó hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận. Vì vậy khi mâu thuẫn xảy ra bà N yêu cầu ly hôn là không phù hợp mà Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Trần Kim V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ D (nữ), sinh ngày 19/12/2000 và Trần Thị Anh T (nữ), sinh ngày 13/9/2004. Con chung Trần Thị Mỹ D hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay con chung Trần Thị Anh T đang sống với bà N. Từ khi ly thân đến nay cháu T sống chung với mẹ và cháu cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ; nhằm tránh gây xáo trộn cuộc sống của cháu T nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho bà N được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên ông V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông V không ai được quyền cản trở.

[4] Tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 14, Điều 53, Điều 81 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Trần Kim V là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Anh T (nữ), sinh ngày 13/9/2004 cho bà N được quyền tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; Ông V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông V không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)*. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008723 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. N;
- CCTHA TP. N;
- UBND xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Kim Cương